

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CƠ CẤU XÃ HỘI NÔNG THÔN VIỆT NAM

HỒNG CẢNH

TRONG thời đại ngày nay, con đường dẫn đến sự tiến bộ về kinh tế và xã hội bao giờ cũng gắn liền với mục tiêu phát triển cách mạng khoa học kỹ thuật và đặc biệt là sự cần thiết phải đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa. Trong những thập kỷ gần đây, tốc độ công nghiệp hóa ở các nước tiên tiến đã làm đổi thay một cách đáng kể bộ mặt của xã hội, tạo ra những bước tiến lớn trong lịch sử phát triển của nhân loại.

Bởi vậy, sẽ có thể bị coi là chưa hợp lý nếu đưa ra luận điểm cho rằng đối với các nước chậm phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội thì nông thôn và người nông dân lại là một trong những vấn đề quan trọng cần được chú ý nhiều nhất. Luận điểm tương như nghịch lý trên đây, từ lâu đã trở thành đề tài của nhiều cuộc tranh luận khoa học gay gắt. Tuy vậy, thực tế cách mạng đã làm sáng tỏ vấn đề. Nó chứng minh rằng ở các quốc gia nông dân, việc đạt tới các mục tiêu tiến bộ kinh tế - xã hội cũng như của chính sự nghiệp công nghiệp hóa lại đòi hỏi trước hết, trong bước đi đầu tiên việc quay trở lại với sự cùng cố và phát triển vùng nông thôn và nông nghiệp. Nông nghiệp phải trở thành cơ sở vững chắc cho công nghiệp phát triển.

Người Việt Nam thường nói: “Có thực mới vực được đạo”. Điều đó bao hàm ý nghĩa quan trọng của việc phát triển nông nghiệp nhằm đáp ứng những nhu cầu vật chất thiết yếu nhất của xã hội, tạo ra cơ sở chắc chắn, bước đầu cho quá trình công nghiệp hóa. Song vị trí quan trọng của vấn đề nông thôn và người nông dân lại không chỉ dừng lại ở mức độ đó. Trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tại một quốc gia nông dân với trên 90% dân cư sản xuất nông nghiệp như Việt Nam thì người nông dân không chỉ là động lực quan trọng mà còn là đối tượng của cách mạng. Họ vừa là người tham gia trực tiếp vào cuộc cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo đồng thời cũng lại là lực lượng xã hội to lớn và chủ yếu nhất phải được cải tạo và biến đổi trong quá trình vận động và phát triển của cách mạng. Đông viên, phát huy những mặt tích cực của người nông dân và xóa tư tưởng tư hữu, lối làm ăn cá thể, tản mạn, tùy tiện ở họ là hai mặt quan trọng để làm biến đổi một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành một nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến. Để làm được điều đó, cơ cấu xã hội nông thôn phải được thay đổi mạnh mẽ, nông nghiệp phải được tổ chức lại nhằm tạo ra một cơ chế sản xuất mới có năng suất cao. Cải tạo cơ cấu xã hội nông thôn và giai cấp nông dân cũng là đường lối trước sau như một của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trước cách mạng, Việt Nam là một nước nửa thuộc địa nửa phong kiến. Cơ cấu xã hội ở nông thôn và tỷ trọng ruộng đất được phân phối cho nông dân là: giai cấp địa chủ chỉ bao gồm 3% số hộ ở nông thôn nhưng lại chiếm tới 41,4% số ruộng đất canh tác của cả nước. Ngoài ra nếu tính cả đất công và nửa công do chính quyền thực dân chi phối thì bọn địa chủ và thực dân đã chiếm khoảng 2/3 tổng số ruộng đất. Bởi vậy 97% số hộ nông dân còn là chỉ có khoảng chưa đầy 1/3 số ruộng đất, trong đó số hộ nông dân không có ruộng đất, phải làm thuê chiếm tới 60%. Giai cấp địa chủ bóc lột nông dân chủ yếu thông qua hình thức phát canh ruộng đất và thu tô. Địa tô nói chung là tô hiện vật, thường chiếm khoảng 50% nguồn thu hoạch thực tế.

Đi đôi với sự tập trung quá đáng ruộng đất vào tay địa chủ, thực dân là tình trạng sản xuất phân tán, vụn vặt với kỹ thuật canh tác rất lạc hậu, cổ hủ, mang tính chất tự cấp tự túc. Ruộng đất bị chia thành những mảnh nhỏ. Mỗi hộ nông dân là một đơn vị sản xuất, canh tác trên mảnh ruộng nhỏ bé hoặc của

minh hoặc lĩnh canh của địa chủ, trồng trọt tận mạn dăm ba loại cây mỗi thứ một ít với những công cụ sản xuất thô sơ, không có máy móc, sức kéo. Trâu, bò thiếu thốn, kỹ thuật lạc hậu, phần lớn chỉ trông chờ ở sự thuận hòa của thiên nhiên.

Tình trạng trên đã dẫn nền nông nghiệp Việt Nam tới sự lạc hậu trì trệ, khiến cho người nông dân vốn bị bóc lột thậm tệ ngày càng lâm vào cảnh nghèo túng cùng cực. Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 nông thôn Việt Nam là nơi tập trung cao độ nạn đói kém, bệnh tật, đốt nát và đủ loại tập tục hủ bại đè nặng lên cuộc sống của con người và xã hội. Hàng năm có tới hơn một nửa số tá điền trở thành vô sản nông thôn. Dòng người đổ về các thành phố, thị trấn, nơi mà trên thực tế đời sống cũng khó khăn không kém gì ở nông thôn, để kiếm việc làm lên tới hàng vạn người một năm. Ở nông thôn, số người mù chữ lên tới 97%. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam, khi đó 90% là nông dân, chỉ đạt khoảng trên 30 tuổi. Nạn đói khủng khiếp năm 1945 làm cho hơn 1 triệu người bị chết đã là hậu quả tự nhiên của sự bóc lột đã man nệ của bọn địa chủ, thực dân nói với nông dân và tính chất lạc hậu của nông thôn Việt Nam nước cách mạng.

Thực tế đã chỉ ra rằng sự thay do cách mạng ở Việt Nam, trước hết phải là sự thay đổi tận gốc rễ cơ cấu xã hội ở nông thôn. Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (tiên thân của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay) đã vạch ra con đường của cách mạng Việt Nam, hướng tới mục tiêu đánh đổ chế độ phong kiến thực dân và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Luận cương cũng đề ra phương hướng để giải phóng người nông dân với tư cách là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội. Ngay từ khi thành lập, Đảng đã quan tâm nghiên cứu sâu sắc những đặc điểm của nông thôn và người nông dân Việt Nam, đề ra những chính sách thích hợp nhằm giác ngộ giai cấp nông dân, động viên họ tham gia tích cực và tự giác vào phong trào cách mạng của giai cấp vô sản. Nông dân trở thành người bạn đồng minh đáng tin cậy của giai cấp công nhân và đội quân chủ lực của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Sự thành công của Cách mạng tháng Tám và thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã nói lên tinh thần đúng đắn trong việc nhận thức và giải quyết vấn đề nông thôn và người nông dân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II

Công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã tạo ra sự biến đổi to lớn và sâu sắc nhất về cơ cấu xã hội và người nông dân trong lịch sử nông thôn Việt Nam. Sự biến đổi này diễn ra trong hai quá trình nối tiếp, chen lấn và gắn bó chặt chẽ với nhau. Đó là: thứ nhất, quá trình xóa bỏ cơ cấu xã hội cũ và thứ hai, quá trình xây dựng, xác lập cơ cấu xã hội mới.

Thực ra thì tiền đề cho sự biến đổi cơ cấu xã hội ở nông thôn Việt Nam đã được đặt ra ngay từ trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cùng với nhiệm vụ chống đế quốc thực dân, nhiệm vụ chống giai cấp phong kiến địa chủ đang được tiến hành từng bước, từ giai đoạn này sang giai đoạn khác mà đỉnh cao là việc thực hiện cải cách ruộng đất.

Đảng và nhà nước kháng chiến đã nêu cao khẩu hiệu “người cày có ruộng” thực hiện giảm tô 25%, giảm tức từ 5 đến 7 lần so với mức trước cách mạng và tiến hành những cuộc cải cách dân chủ ở nông thôn. Bởi vậy, cho tới khi cải cách ruộng đất, 58,8% tổng số ruộng đất của thực dân và địa chủ đã được chia cho nông dân. Cải cách ruộng đất là một cuộc cách mạng rộng lớn ở nông thôn, nó đi vào vấn đề cơ bản nhất trong những mối quan hệ của cơ cấu xã hội nông thôn: vấn đề thay đổi chế độ sở hữu ruộng đất. Được tiến hành vào giai đoạn cuối cùng, gay go, quyết liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Pháp, cải cách ruộng đất đã góp phần to lớn vào thắng lợi chung của các lực lượng cách mạng. Tới năm 1958, cải cách ruộng đất đã được hoàn thành triệt để. Toàn bộ ruộng đất và những tư liệu sản xuất chủ yếu ở nông thôn đã được chia cho nông dân. Giai cấp địa chủ bị đánh đổ và xóa bỏ hoàn toàn. Dưới chính quyền cách mạng, với ruộng đất trong tay, người nông dân lao động đã trở thành người chủ của nông

thôn. Đó là điều chưa từng có trong lịch sử nông thôn Việt Nam.

Tuy nhiên, sau cải cách ruộng đất vào những năm 1958 – 1959, ở nông thôn miền Bắc, quá trình phân hóa giai cấp tự nhiên lại diễn ra. Một mặt, đó là quá trình trung nông tư sản hóa, trong đó các hộ nông dân có điều kiện thuận lợi về sản xuất, lao động, vốn, sức kéo... đã giàu có hẳn lên. Ngược lại, những hộ nông dân nghèo, không có điều kiện như nên đã trở thành vô sản hóa. Thực tế đó diễn ra đúng như nhận định của Lenin rằng nền sản xuất hàng hóa nhỏ của người tiểu nông hàng ngày, hàng giờ để ra chủ nghĩa tư bản, nó không tự giải phóng người nông dân lao động khỏi áp bức bóc lột. Mặt khác, lối kinh doanh phân tán, tản mạn của các hộ nông dân cá thể không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế nói chung và của chính nông nghiệp và nông thôn.

Bởi vậy, con đường đúng đắn nhất để giải phóng người nông dân là phải tiến hành triệt để cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất ở nông thôn, nói một cách cụ thể là phải đẩy mạnh công cuộc tập thể hóa nông nghiệp. Nghị quyết của hội nghị Trung ương lần thứ 16, khóa II của Đảng lao động Việt Nam (tức Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay) tháng 9 năm 1959 đã nhấn mạnh: “hợp tác hóa nông nghiệp là cái khâu chính trong toàn bộ sợi dây chuyền cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta” Tập thể hóa là con đường đúng đắn để ngăn chặn sự tái tạo trở lại cơ cấu xã hội cũ và xu hướng phát triển tự phát tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, tạo điều kiện tiên quyết để đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. .

Nếu cuộc cải cách ruộng đất tấn công vào chế độ sở hữu ruộng đất, xóa bỏ cơ cấu xã hội cũ đã trói buộc người nông dân từ ngàn đời nay thì con đường tập thể hóa nông nghiệp lại hướng tới mục tiêu xác lập cơ cấu xã hội mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Tập thể hóa nông nghiệp là quá trình cách mạng làm thay đổi về chất trong cơ cấu xã hội nông thôn Việt Nam. Nó liên kết những người nông dân lao động thành một giai cấp thống nhất, có bản chất giai cấp mới, phương thức lao động và lối sống mới - giai cấp nông dân tập thể.

Ở Việt Nam, do đặc điểm riêng biệt của mỗi miền từ những nguyên nhân lịch sử đưa lại, quá trình tập thể hóa nông nghiệp diễn ra ở miền Bắc và miền Nam có khác nhau về thời gian và các bước tiến hành. Cho tới năm 1984, toàn Việt Nam đã có 15.624 hợp tác xã nông nghiệp, chiếm khoảng 63,8% số hộ xã viên. Ở miền Bắc số hộ xã viên đã gia nhập hợp tác xã nông nghiệp lên tới 96,6% . Ở miền Nam, công việc hợp tác hóa nông nghiệp chỉ thực sự bắt đầu từ sau năm 1975, song tới năm 1984 số hợp tác xã nông nghiệp đã có là 1.925, chiếm khoảng 25,5% số hộ xã viên ⁽¹⁾. Hiện nay, phong trào hợp tác xã nông nghiệp đang được chuyển dần vào chiều sâu. Nó không chỉ dừng lại ở mức độ tập thể hóa về tư liệu sản xuất mà còn đồng thời xác lập chế độ quản lý và phân phối mới nhằm củng cố và hoàn thiện dần những mối quan hệ xã hội một trong sản xuất, hoàn thiện cơ cấu xã hội mới ở nông thôn. Ngoài việc vận động số hộ còn làm ăn cá thể gia nhập hợp tác xã, hướng chú ý của phong trào tập thể hoá nông nghiệp là đi vào củng cố các hình thức thích hợp nhằm phát huy được ưu thế của quan hệ sản xuất mới, nâng cao năng suất lao động và phúc lợi cho xã viên. Nhiều cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong các hợp tác xã nông nghiệp đã được phát động. Các cuộc vận động này mang nội dung xác định phương hướng sản xuất thích hợp cho các hợp tác xã, cải tiến phương pháp quản lý lao động, quản lý tài vụ cải tiến công tác kế hoạch, tiến hành sắp xếp lại nguồn lao động, ruộng đất và cơ sở vật chất - kỹ thuật trong hợp tác xã. Điều đó đã tạo ra phương thức hiệp tác lao động mới trong nông nghiệp, giữa những người nông dân tập thể, giữa các hợp tác xã nông nghiệp, giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa nhà nước và tập thể, tạo ra hình thức thích hợp cho lực lượng sản xuất phát triển.

Nhìn lại những biến đổi trong cơ cấu xã hội nông thôn, chúng ta không thể không chú ý tới những

¹ Niên giám thống kê 1984, Hà Nội, 1985.

yếu tố tác động từ sự phát triển mới trong lực lượng sản xuất ở nông thôn trong điều kiện bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, khoa học kỹ thuật đã đóng một vai trò hết sức quan trọng. Ở nông thôn, cùng với việc hợp tác hóa lao động, trong những năm gần đây cơ sở vật chất và kỹ thuật nông nghiệp cũng đã được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Điều đó trên thực tế, không chỉ góp phần làm tăng nhanh năng suất lao động nông nghiệp, mà còn củng cố những quan hệ xã hội mới, cơ cấu giai cấp xã hội mới.

Với việc đẩy mạnh đầu tư cho nông nghiệp, cơ cấu về lực lượng sản xuất ở nông thôn Việt Nam đã có những chuyển biến đáng kể. Sự tham gia đóng góp của nhà nước, tập thể và của trực tiếp những xã viên nông nghiệp đã tạo điều kiện quan trọng cho việc xây dựng cơ sở vật chất ban đầu cho cách mạng khoa học kỹ thuật nông nghiệp. Chỉ trong một thời gian ngắn, bộ mặt nông thôn đã được đổi khác cả về hình thức và nội dung. Nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng của kinh tế tập thể đã được xây dựng.

Đối với một nước trồng lúa nước như Việt Nam thì việc giải quyết vấn đề thủy lợi được coi như là khâu quan trọng và cơ bản của sản xuất nông nghiệp. Trong những năm gần đây, rất nhiều công trình thủy lợi đã được xây dựng bằng sức dân, bằng tiền của hợp tác xã và sự đầu tư giúp đỡ của nhà nước. Hệ thống tưới nước và tiêu nước đã được mở rộng nhanh chóng. Nhiều cánh đồng đã được cải tạo lại để có thể đẩy mạnh thâm canh nhiều vụ trong năm. Cho tới năm 1984, 4.791 hệ thống tưới tiêu nước với 2.530 trạm bơm đã được xây dựng⁽²⁾. Về cơ bản, toàn bộ ruộng đất thuộc hệ thống quản lý của tập thể đã được cải tạo, phân loại và ngăn lại theo khu vực để có thể chủ động trong tưới tiêu nước, chống hạn và úng.

Một trong những khả năng lớn để tăng sản lượng trồng trọt và chăn nuôi là cải tiến và sử dụng những thành phần giống cây, giống gia súc mới. Về mặt này nền nông nghiệp Việt Nam đã tạo được những thành tích đáng kể. Cùng với những trung tâm lớn về giống đặt ở các vùng nông thôn trọng điểm nông nghiệp, những đội kỹ thuật giống chuyên nghiệp của các hợp tác xã đã hoạt động tích cực, tham gia vào việc truyền bá, áp dụng, đổi mới một cách mạnh mẽ cơ cấu giống mới như lúa, khoai, ngô, cây ăn quả và cây công nghiệp ở Việt Nam... Những giống gia súc cũng được cải tiến nhiều. Việc sử dụng ưu thế của những giống mới lai tạo trong phạm vi rộng lớn đã góp phần đáng kể vào việc tăng năng suất nông nghiệp.

Những thay đổi trong cơ cấu của lực lượng sản xuất ở nông thôn Việt Nam cũng gắn liền với quá trình hóa học hóa trong nông nghiệp, đẩy mạnh dùng các loại phân bón hoá học, sử dụng thuốc hóa học để chống sâu bệnh cho cây trồng và gia súc, thúc đẩy sự sinh trưởng trong trồng trọt và cải tiến thức ăn trong chăn nuôi.

Việc thực hiện cơ giới hóa trong nông nghiệp ở Việt Nam có nhiều khó khăn về phương tiện kỹ thuật, trình độ chuyên môn hóa và việc giải quyết nạn dư thừa lao động nông nghiệp do dân số tăng quá nhanh, nhưng bước đầu cũng đã mang lại những kết quả đáng kể. Ở một mức độ nhất định, phương tiện cơ giới đã được đưa vào để thay thế cho một số hoạt động nặng nhọc, giải quyết một phần nạn thiếu sức kéo nghiêm trọng ở nông thôn. Nhiều cơ sở cơ khí nhỏ đã được hình thành, đảm nhận việc sản xuất, sửa chữa công cụ lao động, phương tiện vận chuyển, chế biến thức ăn gia súc. Hầu hết các hợp tác xã nông nghiệp đã có những đội cơ khí chuyên nghiệp tách ra khỏi công việc đồng áng. Trong những năm gần đây, số lượng máy kéo được sử dụng trong nông nghiệp đã tăng lên rõ rệt

1976 : 9.298 máy kéo

1980 : 37.019

² Niên giám thống kê 1984, Hà nội, 1985, Tr. 109

1984 : 43.280

Số máy phát lực cũng tăng lên:

1976 : 20.726 động cơ.

1980 : 55.271

1984 : 61.286 (3)

Ngoài việc từng bước tiến hành cơ giới hóa, một số vùng nông thôn đã bắt đầu sử dụng năng lượng điện vào phục vụ cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp, bơm tưới tiêu nước, chạy các động cơ phát lực, các loại máy móc chuyên dụng, chế biến lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc v.v... Tuy phạm vi và hình thức sử dụng điện năng ở nông thôn còn nhỏ nhưng thực tế đã mang lại những kết quả bước đầu, mở ra tiền đề cho việc tiến tới điện khí hóa nông nghiệp. Theo số liệu thống kê, năng lượng điện được phân phối cho nông nghiệp năm 1984 đã tăng lên 45 % so với năm 1976 (4)

Sự thay đổi quan trọng bước đầu của lực lượng sản xuất ở nông thôn do kết quả của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đem lại đã làm đổi thay dần mối quan hệ giữa cơ cấu xã hội nông thôn và đô thị cũng như cơ cấu bên trong của chính nông thôn và giai cấp nông dân. Những cơ sở bước đầu cho việc chuyển dần một số nông dân sang hoạt động ở những lĩnh vực kinh tế xã hội khác của đất nước đã được tạo ra. Ngày nay, nông thôn Việt Nam không còn là nơi độc chiếm của tập đoàn những người nông dân nữa, khi khoa học kỹ thuật đã cuốn hút về đây những công nhân, trí thức, cán bộ kỹ thuật, chuyên gia về quản lý, chuyên gia trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, v.v...

Trong nông dân tập thể, tỷ lệ những người tách ra khỏi lao động nông nghiệp trực tiếp cũng lãng lên. Trong các hợp tác xã nông nghiệp, việc phân công lao động mới có tính chất chuyên môn hóa đã làm hình thành tập thể ngay cảng đông đảo những nhóm nông dân không còn làm các công việc đồng áng mà chuyển sang lao động trong các các lĩnh vực khác. Đó là những người làm các ngành nghề phụ, những thợ thủ công, thợ cơ khí sửa chữa, những cán bộ kỹ thuật về giống, thủy lợi, những xã viên thuộc các đội vận chuyển, xây cất chuyên nghiệp v.v...

Hiện nay, có thể phân chia cơ cấu xã hội nông thôn Việt Nam ra làm 4 lập đoàn chính:

Tập đoàn thứ nhất gồm những nông dân tập thể làm những công việc thuần túy nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi. Tập đoàn này chiếm tỷ lệ đông đảo nhất ở nông thôn. Tuy vậy, do sự phát triển của lực lượng sản xuất, tập đoàn này cũng không đồng nhất và với sự phát triển cao hơn của công cuộc tập thể hóa, trong tập đoàn này đang hình thành những nhóm chuyên môn hóa tách biệt theo từng ngành nghề của sản xuất nông nghiệp

Tập đoàn thứ hai gồm những người làm lao động thủ công ở nông thôn, những thợ cơ khí sửa chữa, những người làm nghề vận chuyển, bốc vác, xây cất chuyên nghiệp.... Trong xu hướng chung của việc đẩy mạnh sản xuất hàng hóa và giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp ở nông thôn, tập đoàn này có khả năng sẽ tăng lên cả về số lượng lẫn hình thức hoạt động.

Tập đoàn thứ ba gồm các cán bộ kỹ thuật, nhân viên quản lý hành chính, những trí thức làm việc tại nông thôn như giáo viên, y sĩ, bác sĩ, những cán bộ thương nghiệp, những cán bộ dịch vụ... Số lượng của tập đoàn này không lớn, nhưng lại có những ảnh hưởng đáng kể đối với toàn bộ hoạt động

³ ,4 *Niên giám thống kê 1984*, Hà Nội 1985, Tr. 112.

sản xuất, chính trị, văn hóa chung của nông thôn.

Tập đoàn thứ tư gồm những người còn làm ăn cá thể nông thôn, chủ yếu là ở miền Nam. Tập đoàn này chiếm một vị trí không nhỏ trong sự phát triển kinh tế ở nông thôn, đặc biệt là ở miền Nam. Trong điều kiện hiện nay, ở Việt Nam, tập đoàn những người làm ăn cá thể sẽ còn tồn tại trong một thời gian khá dài nữa, trong chừng mực mà tính ưu việt của phương thức lao động tập thể vẫn còn chưa được hoàn toàn làm sáng tỏ.

Đi đôi với những thay đổi về cơ cấu xã hội là những thay đổi căn bản trong bộ mặt tinh thần của nông thôn. Những chuyển biến diễn ra trong kinh tế, sự hoàn thiện dần những mối quan hệ sản xuất mới ở nông thôn đã tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong giai cấp nông dân tập thể, trong trình độ nhận thức, trong trình độ văn hóa và lối sống. Người nông dân tập thể ở Việt Nam đang có một bộ mặt xã hội, chính trị, tâm lý mới. Tình trạng phân tán, tản mạn, “đèn nhà ai nhà nấy rạng” của đời sống xã hội nông thôn đang bị xóa bỏ.

Trình độ văn hóa của giai cấp nông dân tập thể ngày càng được nâng cao cùng với sự phát triển giáo dục ở nông thôn. Nhà nước đã có nhiều cố gắng tạo điều kiện cho nông dân và con em của họ có thể học tập và được đào tạo chuyên môn trong các trường học không phải trả tiền. Số lớp học trong năm 1985 đã tăng lên 20 % so với năm 1976, trong đó số lớp trung học tăng 40,6%. Số giáo viên năm 1985 tăng lên 28% so với năm 1976. Trong đó giáo viên trung học tăng 52 %, riêng đồng bằng sông Hồng trong năm 1985 có tới 62.700 lớp học. Trong đó các lớp trung học là 4.606 lớp⁽⁵⁾. Huyện hải hậu, một trong những vùng trọng điểm lúa của đồng bằng sông Hồng có 100% số thanh niên trong huyện có trình độ cấp II. Số kỹ sư nông nghiệp, kỹ sư chăn nuôi, kỹ sư kinh tế và cán bộ kỹ thuật xuất thân từ nông dân cũng không ngừng tăng lên. Hiện nay, nhiều chủ nhiệm các hợp tác xã nông nghiệp đã có trình độ tốt nghiệp đại học.

Quá trình nâng cao mạnh mẽ trình độ văn hóa của giai cấp nông dân cũng biểu hiện ở sự phát triển nhanh chóng tại nông thôn các cơ sở văn hóa, nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, bảo tàng. Theo số liệu thống kê: số lượt người đi xem chiếu bóng ở Việt nam năm 1985 đã tăng gấp 2 lần so với năm 1976. Riêng tại đồng bằng sông Hồng trong năm 1984 đã có 97 nghìn buổi chiếu bóng và 70.2 triệu lượt người đi xem⁽⁶⁾. Đồng bằng sông Hồng hiện nay có tới 29 đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và hàng trăm đội văn nghệ nghiệp dư. Mạng lưới thư viện cũng được mở ra với quy mô ngày càng rộng rãi tại các vùng nông thôn. riêng tại đồng bằng sông Hồng, chưa kể con số các phòng đọc sách do chính quyền cấp xã quản lý, số thư viện của các tỉnh và huyện đã lên tới 91. Tại các vùng núi và trung du Bắc Bộ, con số này lên tới 114 thư viện, còn đồng bằng sông Cửu Long là 76 thư viện⁽⁷⁾

Tuy nhiên, việc xây dựng tư tưởng, ý thức, đạo đức và lối sống xã hội chủ nghĩa ở nông thôn đòi hỏi phải trải qua một quá trình lâu dài, kiên trì và liên tục. Nó diễn ra không kém phần gay go quyết liệt trong cuộc đấu tranh với tư tưởng và đạo đức tiểu tư sản, nếp suy nghĩ và lối sống tiểu nông vẫn tồn tại từ ngàn đời nay trong lịch sử nông thôn. Việc người nông dân tham gia vào các hợp tác xã nông nghiệp, việc họ là những thành viên của phương thức lao động, quản lý và phân phối mới không có nghĩa là quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đã thành công. Trong nhiều năm qua. Ở nông thôn Việt Nam đã hình thành một thế hệ những người nông dân mới lớn lên, trưởng thành và tiếp thu nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, nhưng chính họ cũng bị ảnh hưởng rất nhiều của hệ tư tưởng cũ. Đó là những nhân tố tiêu cực

(5) (6) (7) Niên giám thống kê 1984. Hà Nội, 1985.

mà không được phép xem nhẹ. Bởi vậy văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất”⁸

Tóm lại, kinh nghiệm của sự phát triển giai cấp nông dân tập thể Việt Nam cho thấy rõ ba nhân tố dưới đây là cơ sở của quá trình thay đổi cơ cấu xã hội nông thôn:

1. Việc xây dựng và củng cố những quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, sự phát triển của những hình thức quản lý và phân phối mới ở nông thôn.

2. Quá trình phát triển mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật và những chuyển biến nhất định trong tính chất lao động của nông dân tập thể.

3. Những thay đổi trong nhận thức tư tưởng, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, trong tâm lý và lối sống.

Cùng với sự phát triển của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội nông thôn Việt Nam cũng biến đổi ngày càng rõ nét hơn theo xu hướng xích lại gần nhau giữa nông thôn và đô thị, giữa giai cấp nông dân với giai cấp công nhân và trí thức.

III

Sau hơn 25 năm xây dựng phong trào hợp tác hóa ở miền Bắc và hơn 10 năm cải tạo xây dựng nông thôn mới theo hướng xã hội chủ nghĩa ở miền nam, cơ cấu xã hội nông thôn Việt Nam đã có những biến đổi to lớn. Những biến đổi này không diễn ra một cách tự phát mà gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như với chính tinh thần tiến công cách mạng của giai cấp nông dân.

Đó cũng là quá trình nghiên cứu và vận dụng những quy luật cơ bản của chủ nghĩa xã hội vào hoàn cảnh cách mạng cụ thể ở Việt Nam, việc giải quyết những mối quan hệ biện chứng giữa nhận thức chủ quan và thực tiễn khách quan, giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất, cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng. Khi nhấn mạnh đường lối phát triển nông thôn, đưa nông thôn tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa cũng tức là phải khẳng định tính chất quan trọng không thể thiếu được của nhân tố chủ quan. Ở đây, vai trò của chủ quan thể hiện ở chỗ, một mặt, nó góp phần ngăn chặn tính phát triển tự phát tư bản chủ nghĩa, mặt khác nó là động lực giúp cho việc xác lập những quan hệ kinh tế xã hội, cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Một trong những bài học rút ra từ thực tế cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn Việt Nam là phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát huy tốt nhân tố chủ quan trong việc nhận thức và vận dụng những quy luật kinh tế - xã hội khách quan để định ra phương hướng, hình thức và bước đi thích hợp cho quá trình cách mạng. Thực tế đã cho thấy điều đó không hề đơn giản. Nó đòi hỏi phải có sự giải quyết đúng đắn giữa một bên là tính nguyên tắc bất di bất dịch của lý luận và phương pháp luận Mác-lênin với bên kia là tính chủ động và sáng tạo cao nhất, giữa sự cứng rắn chắc chắn với tính mềm dẻo, uyển chuyển.

Ở nông thôn Việt Nam, thực tế đã chứng minh rằng việc áp dụng một cách cứng nhắc, máy móc những nguyên lý, lý thuyết cũng gây ra những tai hại không thua kém gì tính chất buông lỏng, vô nguyên tắc trong thực hiện. Sự nhận thức không đúng đắn các quy luật khách quan, đem ý muốn chủ quan thay thế cho các quy luật khách quan là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới những sai lầm trong việc chỉ đạo, tổ chức và tiến hành cải tạo cách mạng ở nông thôn. Biểu hiện thường thấy của

⁸ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Sự thật, 1987 Tr58.

những sai lầm trên là sự nôn nóng, vội vàng, muốn đốt cháy giai đoạn, đẩy nhanh quá trình cách mạng mà không tính tới khả năng và sự chín muồi của các điều kiện cần thiết trong thực tế. Chẳng hạn như những quan điểm, chủ trương đẩy nhanh quá trình tập thể hóa lao động, xây dựng mạnh mẽ các hợp tác xã nông nghiệp bậc cao, với quy mô rộng lớn mà không xem xét nhu cầu thực tế của nông thôn. Điều đó đã dẫn tới tình trạng quản lý lao động và phân phối sản phẩm không chặt chẽ, khoa học, năng suất lao động không cao, nông dân không phấn khởi, tích cực trong những hoạt động của tập thể. Hiện nay vẫn còn không hiếm những hợp tác xã quy mô lớn có sự tham gia của hàng nghìn hộ xã viên với hàng vạn lao động, nhưng trình độ văn hóa, chính trị, quản lý của cán bộ lãnh đạo lại chỉ ở mức sơ cấp. Cũng có nhiều vùng nông thôn, tỷ lệ lao động thừa trong nông nghiệp còn quá lớn nhưng vẫn cứ muốn xóa bỏ nhanh chóng thành phần kinh tế cá thể. Nói tới cải tạo cách mạng nền nông nghiệp, vấn đề thường được chú ý lại chỉ là thay đổi quan hệ sở hữu, nhấn mạnh tới việc xóa bỏ bóc lột mà chưa coi trọng đúng mức việc quản lý và phân phối. Khi nói về những thiếu sót trong việc giải quyết không đúng đắn mối quan hệ giữa nhận thức chủ quan và thực tế khách quan, Đảng Cộng sản Việt Nam đã cho rằng: “Cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông, và để ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội”⁽⁹⁾. Khắc phục bệnh duy ý chí hiện nay là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cải tạo nông nghiệp, xây dựng cơ cấu xã hội mới ở nông thôn, bởi vì “cuộc sống cho ta một bài học thấm thía là không thể nóng vội làm trái quy luật”⁽¹⁰⁾.

Trong các chặng đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nông thôn, chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ có nhiều khó khăn và phức tạp nhất. Nổi bật lên trong những khó khăn và phức tạp này là việc nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Ở giai đoạn này, quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất biểu hiện một cách phong phú, đa dạng và muôn hình muôn vẻ trong từng nơi, từng lúc, từng giai đoạn phát triển.

Kinh nghiệm thực tế ở Việt Nam đã chỉ rõ, lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Rõ ràng ở nhiều vùng nông thôn, việc xây dựng quá nhanh những mối quan hệ sản xuất mới trong khi chưa có được những chuyển biến đáng kể về lực lượng sản xuất, công cụ lao động, kỹ thuật canh tác... đã gây ra những hậu quả xã hội nghiêm trọng. Nó làm nảy sinh nhiều vấn đề khó khăn trong công tác quản lý sản xuất, bệnh quan liêu, sự phân phối thiếu công bằng, v.v... làm cho sản xuất không phát triển, người nông dân không hăng hái lao động, tình trạng tham ô lãng phí trở nên trầm trọng. Cuối cùng, điều đó đã đưa đến tình hình là chi phí sản xuất cao, năng suất lao động thấp, thu nhập từ kinh tế tập thể sút kém, đời sống của người nông dân không đảm bảo. Trong trường hợp này, quan hệ sản xuất rõ ràng đã kìm hãm lực lượng sản xuất phát triển.

Để khắc phục tình trạng này ở nông thôn, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhấn mạnh tới việc xây dựng quan hệ sản xuất hợp lý, phù hợp với đặc điểm, khả năng và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, tạo ra những bước đi và biện pháp thích hợp đối với từng vùng nông thôn. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã nhấn mạnh: “Tình hình thực tế của nước ta đòi hỏi phải coi trọng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ từ thấp tới cao, từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn. Trong mỗi bước đi của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tạo ra lực lượng sản xuất mới, trên cơ sở đó, tiếp tục đưa quan hệ sản xuất lên hình thức và quy mô

⁹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. NXB Sự thật. Hà Nội, 1987. Tr. 63

¹⁰ Sách đã dẫn Tr. 58

thích hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển⁽¹¹⁾.

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới những sai sót ở các hợp tác xã nông nghiệp hiện nay là việc chưa tìm ra được những hình thức trung gian, quá độ của quan hệ sản xuất để mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển. Với xu hướng chung của sự đổi mới tư duy, cải tiến công tác quản lý, đưa nông nghiệp tiến lên, nhiều chính sách mới, cụ thể xuất, phát từ nhu cầu thực tế của nông thôn đã được ban hành và thực hiện. Khoan sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động là một biện pháp kịp thời và phù hợp với chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nông thôn Việt Nam. Hình thức khoán mới này đã có tác dụng, bước đầu củng cố quan hệ sản xuất tạo điều kiện cho những bước tiến cao hơn. Với cơ chế khoán mới, người lao động phấn khởi sản xuất hơn, đất đai được sử dụng tốt hơn, nông dân tập thể quan tâm hơn tới tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động.

Tháng 4-1988, bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra nghị quyết về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Bản nghị quyết quan trọng này đã cụ thể hóa những tư tưởng về đổi mới được đưa ra từ Đại hội VI của Đảng nhằm tạo ra động lực cách mạng mới để phát triển mạnh mẽ nông nghiệp làm thay đổi và củng cố quan hệ sản xuất và cơ cấu xã hội mới ở nông thôn. Sau khi nghiên cứu đánh giá những sai lầm, thiếu sót trong công tác cải tạo, xây dựng, phát triển nông nghiệp, Nghị quyết đã nhấn mạnh: “Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp phải đạt yêu cầu: thật sự giải phóng sức sản xuất, gắn sắp xếp, tổ chức lại sản xuất với cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và đưa kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất nông nghiệp. Phát huy được mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, các vùng, các ngành, chuyển nền nông nghiệp nước ta còn mang nặng tính chất tự cung tự cấp ở nhiều vùng sang sản xuất hàng hóa theo hướng chuyên môn hóa kết hợp kinh doanh tổng hợp, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của từng vùng, từng bước đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”⁽¹²⁾. Nghị quyết cũng kêu gọi việc mở rộng dân chủ, đề ra những biện pháp cụ thể để tăng cường quyền chủ động của tập thể người lao động, nhằm tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ và tự giác trong giai cấp nông dân.

Với những phương hướng và bước đi rõ ràng trong việc cải tạo cách mạng nền kinh tế nông nghiệp và nông thôn hiện nay, chúng ta có đủ cơ sở khoa học để tin rằng cơ cấu xã hội nông thôn đang có những bước chuyển biến cơ bản và vững chắc trên con đường chung của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

¹¹ Sách đã dẫn Tr. 57

¹² Nghị quyết của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý nông nghiệp